ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 412 /QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 02 tháng 05 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Khu dân cư số 2 xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng"

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 199/TTr-STNMT ngày 25/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Khu dân cư số 2 xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng" (sau đây gọi là dự án) của Công ty cổ phần thép Việt Úc (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định[1]: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

[1] Thành lập theo Quyết định số 1335/QĐ-TNMT ngày 27/12/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Giao thông vận tải; UBND huyện Yên Dũng, UBND xã Cảnh Thụy; Công ty cổ phần thép Việt Úc và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty cổ phần thép Việt Úc *(trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công)*;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
  + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
  + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
  + Lưu: VT, KTN Việt Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN "KHU DÂN CƯ SỐ 2 XÃ CẢNH THỤY, HUYỆN YÊN DŨNG"
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu dân cư số 2 xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng

- Địa điểm thực hiện: Xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

- Chủ dự án: Công ty cổ phần thép Việt Úc.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án được thực hiện trên địa bàn xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang với diện tích thực hiện dự án khoảng 9,7 ha.

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Công trình hạ tầng kỹ thuật: Đầu tư xây dựng đồng bộ công trình hạ tầng kỹ thuật trên diện tích khoảng 9,7ha theo Đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500 được phê duyệt tại Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 24/6/2021 của UBND huyện Yên Dũng; Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của UBND huyện Yên Dũng phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư số 2, xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng, tỷ lệ 1/500; Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của UBND huyện Yên Dũng phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư số 2, xã Cảnh Thụy, huyện Yên Dũng, tỷ lệ 1/500 bao gồm: San nền; đường giao thông; hệ thống cấp nước sinh hoạt; hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải; trạm xử lý nước thải; hệ thống cấp điện và chiếu sáng công cộng; thông tin liên lạc; khuôn viên cây xanh, cây xanh thể thao, cây xanh hè đường, dải phân cách; bãi đỗ xe.

+ Công trình nhà ở: Xây thô, hoàn thiện mặt tiền 26 căn tại 26 lô đất liền kề thuộc phân lô LK:04 (mặt tiền hướng ra ĐT.299); tổng diện tích đất ở 2.730,02m^2; tổng diện tích sàn xây dựng 12.089,8m^2; tầng cao 4,5m, mật độ xây dựng 100%.

- Quy mô dân số dự án: Khoảng 810 người.

- Cơ cấu sản phẩm dự án: Dự án cung cấp các dòng sản phẩm là bất động sản chuyển nhượng và bán nhà ở (xây thô, hoàn thiện mặt tiền) trong phạm vi khu đất thực hiện dự án theo Quy hoạch chi tiết được duyệt gồm:

- Sản phẩm của dự án cung cấp: Dự án cung cấp các dòng sản phẩm là bất động sản chuyển nhượng và bán nhà ở (xây thô, hoàn thiện mặt tiền) trong phạm vi khu đất thực hiện dự án theo Đồ án quy hoạch chi tiết được duyệt gồm:

+ Đất ở không xây thô: 156 lô đất ở liền kề, diện tích 16.595,83m^2; đất ở biệt thự 20 lô, diện tích 6.377,27m^2.

+ Đất ở liền kề xây thô: 26 căn, tổng diện tích đất 2.710,02m^2.

* *Hình thức xây dựng:* Xây dựng mới.

* *Nhóm dự án:* Dự án nhóm B.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình của dự án

Đầu tư đồng bộ toàn bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu dân cư bao gồm các hạng mục: San nền; đường giao thông; hệ thống cấp nước sinh hoạt; hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải; trạm xử lý nước thải; hệ thống cấp điện và chiếu sáng công cộng; thông tin liên lạc; khuôn viên cây xanh, cây xanh thể thao, cây xanh hè đường, dải phân cách; bãi đỗ xe.

1.3.2. Hoạt động của dự án đầu tư:

Các hoạt động của dự án gồm:

- Hoạt động triển khai xây dựng dự án (giai đoạn giải phóng mặt bằng và giai đoạn thi công xây dựng).

- Hoạt động vận hành khu dân cư (hoạt động của người dân trong khu dân cư).

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên với diện tích khoảng 4,7 ha là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

* Giải phóng mặt bằng:

- Bồi thường giải phóng mặt bằng khu vực dự án: Dự án chiếm dụng diện tích khoảng 9,7ha đất gây mất đất sản xuất, gây áp lực đến vấn đề an sinh xã hội.

- Phát quang, vận chuyển cây cối, chất thải rắn: Phát sinh chất thải rắn, cây cối và các hạng mục công trình trên đất và vận chuyển các chất thải.

- Rà phá bom mìn: Bom mìn có thể tồn lưu trong đất

* San nền và thi công các hạng mục công trình của dự án: Hệ thống thoát nước mưa, nước thải; đường giao thông + vỉa hè; hệ thống cấp điện, nước, chiếu sáng; thi công trạm xử lý nước thải,…..

- Phát sinh bụi và khí thải: hoạt động đào đắp, san nền; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu; hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, quá trình lưu trữ nguyên vật liệu,…

- Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường; nước thải từ quá trình thi công, rửa máy móc thiết bị và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng; Chất thải từ

hoạt động đào đắp san nền và chất thải rắn xây dựng.

- Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công xây dựng.

2.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động sinh sống của các hộ dân trong khu dân cư và các khu vực công cộng: Xây dựng nhà; giao thông đi lại, ….

- Phát sinh nước thải sinh hoạt, rác thải sinh hoạt, khí thải từ hoạt động đun nấu,…

- Chất thải rắn, chất thải nguy hại từ quá trình xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt khu dân cư.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động của 50 công nhân thi công trên công trường khoảng 04 m^3/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD_5, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms,...

- Nước thải thi công: Nước thải thi công phát sinh chủ yếu từ các hoạt động thi công và từ quá trình vệ sinh các dụng cụ, máy móc, thiết bị thi công cơ giới phục vụ xây dựng (như cuốc, xẻng, xô, máy trộn bê tông,…) phát sinh khoảng 1,5 m^3/ngày đêm, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD_5, COD, dầu mỡ...

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt khu vực dự án cuốn theo các chất bẩn tích lũy trên bề mặt như dầu mỡ, bụi, đất, cát,... xuống nguồn tiếp nhận gây bồi lắng, tắc nghẽn dòng chảy, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS),…

* Bụi, khí thải:

- Bụi phát sinh từ quá trình đào đắp, san gạt tạo mặt bằng dự án.

- Bụi và khí thải phát sinh do hoạt động của các phương tiện giao thông trong quá trình vận chuyển.

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động xây dựng các công trình của dự án;

- Bụi do quá trình bốc dỡ và tập kết nguyên vật liệu xây dựng như: đá, cát, xi măng, sắt thép,…

- Khí thải từ các hoạt động khác như hàn, cắt kim loại,...

Thành phần

Các nguồn gây ô nhiễm không khí chính trong quá trình phát quang thảm thực vật, thi công xây dựng phát sinh từ các loại máy như: Máy xúc, máy san và

từ các phương tiện vận chuyển ra vào Dự án: Bụi, đất, đá, các loại hơi khí độc hại như khí SO_2, NO_2, CO,…

- Bụi có thành phần chính là đất, cát và các loại nguyên vật liệu trên công trường. Loại bụi này có nguồn gốc khoáng vật, ít có tính độc hại tuy nhiên quy mô ô nhiễm khá lớn.

- Khí thải có thành phần chủ yếu gồm: CO, SO_2, NOx, hơi xăng… đều là các khí độc hại. Ở nồng độ cao và không gian hẹp có khả năng gây ảnh hưởng sức khoẻ con người.

3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

* Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải từ quá trình thu dọn mặt bằng khoảng 7,25 tấn

- Chất thải từ hoạt động đào đắp san lấp mặt bằng: đất đào hữu cơ khoảng 11.987,46 m^3 được tận dụng để trồng cây, không thải ra môi trường.

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân trên công trường phát sinh từ hoạt động của 50 công nhân phát sinh khoảng 25kg/ngày.

Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng các công trình phát sinh khoảng 175 kg/ngày.

* Chất thải nguy hại: phát sinh gồm bóng đèn huỳnh quang vỡ hỏng, giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại, dầu mỡ thải từ quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị,…khoảng 60 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

- Hoạt động san gạt.

- Hoạt động thi công xây dựng: Phương tiện, máy móc thiết bị thi công.

- Tiếng ồn còn phát sinh từ hoạt động sinh hoạt tại các khu tập trung công nhân.

- Hoạt động của máy móc thi công: máy đào, máy khoan, xe lu...

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.1.4. Các tác động khác

- Trong giai đoạn thi công, sự tập trung công nhân lao động có thể tạo ra những tác động tích cực đối với yếu tố kinh tế xã hội như sau: Tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho những lao động trực tiếp và những người dân tham gia cung cấp dịch vụ, hàng hóa khu vực dự án...

- Khả năng gia tăng ô nhiễm, phát sinh dịch bệnh ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng: Sự phát tán bụi, khí thải, tiếng ồn của các phương tiện, máy móc có hại đối với sức khỏe con người trực tiếp hay gián tiếp thông qua thức ăn, nước uống và khí thở. Mầm bệnh do ô nhiễm có thể phát sinh ngay hoặc tích tụ sau một thời gian mới phát sinh. Mặt khác, tập trung số lượng công nhân lớn cũng là nguyên nhân nảy sinh và lây lan các ổ dịch bệnh, ảnh hưởng đến sức khoẻ cộng đồng.

- Tác động do sự cố như: Sự cố tai nạn lao động; sự cố tai nạn giao thông; sự

cố cháy nổ, chập điện; Sự cố do thiên tai: Áp thấp nhiệt đới, lốc sét, mưa lớn gây ngập úng, lũ lụt, sự cố động đất,...; Sự cố an toàn thực phẩm; Sự cố nổ bom mìn tồn lưu từ chiến tranh; Sự cố sạt lở, sụt lún; Sự cố vỡ, hỏng hệ thống xử lý nước thải...

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

* Nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt, ăn uống, tắm rửa, vệ sinh... của các hộ dân sinh sống, hoạt động tại dự án khoảng 121,5m^3/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD_5, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni, tổng Nitơ, tổng phốt pho, tổng Coliforms,...

- Nước mưa chảy tràn: Thành phần ô nhiễm trong nước mưa chủ yếu là các loại chất rắn lơ lửng, rác, lá cây,.. kéo theo trên bề mặt sân đường.

* Bụi, khí thải:

- Bụi khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông;

- Mùi hôi từ điểm tập kết rác thải sinh hoạt.

- Mùi hôi từ khu vực hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 190 m^3/ngày đêm.

3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của khoảng 810 người trong khu dân cư: Khoảng 405 kg/ngày.

- Bùn thải từ bể tự hoại phát sinh khoảng 32,4 m^3/năm.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động xây dựng của các hộ dân: chủ yếu là gạch vỡ, cốp pha, sỏi, đá, cát, mẩu sắt thép, vỏ bao xi măng,....

- Chất thải rắn nguy hại: chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải bỏ, pin, ắc quy chì thải... phát sinh khoảng 16,54 kg/tháng.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

- Hoạt động của các phương tiện giao thông trong khu dân cư;

- Từ khu vực công cộng.

- Hoạt động của hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

3.2.4. Các tác động khác

Tác động do sự cố về cháy nổ, chập điện; Sự cố do thiên tai; Sự cố hệ thống xử lý nước thải; Sự cố tai nạn giao thông; Sự cố do trạm biến áp của dự án; Sự cố lây bệnh hiểm nghèo và nguy cơ lan truyền mầm bệnh...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

* Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

Ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương có điều kiện ăn nghỉ tại nhà.Trong khu vực công trường (lán trại), lắp đặt 1 nhà vệ sinh di động đặt tại khu lán trại của công nhân.

Thông số nhà vệ sinh di động: vật liệu chế tạo bằng composite không han gỉ; dung tích bể nước sạch: 800 lít; dung tích bể chứa chất thải: 2.500 lít, hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa chất thải mang đi xử lý theo quy định (tần suất 02 ngày/lần hoặc khi bể chứa đầy).

* Nước mưa chảy tràn, nước thải thi công:

- Đối với nước thải thi công: Bố trí thành một khu chứa và trộn nguyên vật liệu trong suốt quá trình thi công: Chủ dự án bố trí bãi chứa nguyên liệu bao gồm: Cát, sỏi, xi măng… để thuận tiện cho việc phối trộn, tránh bố trí phân tán tràn lan trên khắp công trường gây lãng phí nguyên vật liệu cũng như việc khó quản lý gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường; Sử dụng tỷ lệ nước phối trộn vật liệu vừa đủ, hạn chế rò rỉ nước ra ngoài môi trường, đồng thời tiết kiệm nguồn nước.

- Đối với nước mưa: Hạn chế triển khai thi công vào mùa mưa bão.

- Xây dựng hệ thống thoát nước thi công và vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa. Hệ thống cống rãnh thoát nước được thiết kế đảm bảo thoát nước tốt khi có mưa lớn.

- Không tập trung các loại nguyên vật liệu gần, cạnh các tuyến thoát nước để ngăn ngừa sụt lún trên đường thoát thải.

- Tiến hành thu gom vật liệu rơi vãi và rác thải sau mỗi ngày làm việc, che chắn bãi tập kết nguyên vật liệu, tránh bị nước cuốn trôi.

- Tạo rãnh đất, chiều rộng 01m, chiều sâu 1m, hố lắng kích thước 2mx2mx1,5m, cứ 50m bố trí 1 hố lắng, nước sau đó sẽ được thu vào hệ thống rãnh thu gom chảy vào hố lắng trước khi chảy ra môi trường tiếp nhận.

- Tổ chức nạo vét cống rãnh thoát nước, hố ga thường xuyên. Không gây ngập úng các thủy vực tiếp nhận.

- Những vị trí phải đào, đắp cát, đặc biệt là những vị trí thi công cống thoát nước sẽ dễ tiếp xúc với dòng nước, cần phải đầm nén đảm bảo đúng yêu cầu về kỹ thuật đề ra để đảm bảo khi có mưa, hoặc nước lớn chảy qua lớp đất đắp sẽ không bị cuốn trôi. Ngoài ra cũng cần tránh làm cản trở dòng chảy các mương thoát nước, nhất là những vị trí giáp với đất canh tác nông nghiệp, tránh gây ngập úng và thiếu nước cục bộ.

4.1.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Chất thải rắn sinh hoạt:

Chủ dự án tuyển lao động tại địa phương có điều kiện ăn nghỉ tại nhà để hạn chế rác thải sinh hoạt trên công trường. Trên công trường thi công bố trí 02 thùng chứa rác có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng ở khu vực lán trại công nhân để công nhân bỏ vào. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến vận chuyển mang đi xử lý hàng ngày.

* Chất thải rắn thi công, xây dựng:

+ Các chất thải có thể tái sử dụng như sắt, thép...: Bán cho đơn vị có chức năng để tái chế, tái sử dụng tại dự án.

+ Các loại chất thải như bê tông, gạch vỡ được đập nhỏ tận dụng để san nền.

+ Đối với phần chất thải không tận dụng hết khoảng 7,25 tấn; Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đổ bỏ đúng quy định. Vị trí đổ thải tại Bãi Hề (bãi rác thôn Tân Mỹ, xã Cảnh Thụy) theo Biên bản thống nhất vị trí đổ chất thải đã được UBND xã Cảnh Thụy chấp nhận.

+ Đất bóc hữu cơ của dự án chủ yếu bao gồm đất hữu cơ đường giao thông khoảng 11.987,46 m^3 được tận dụng để trồng cây, không thải ra môi trường.

- Lập nội quy định trên công trường để giữ gìn vệ sinh khu vực xây dựng, thực hiện tập kết vật liệu đúng nơi quy định, thu gom, xử lý chất thải xây dựng, vỏ bao bì… tránh gây ảnh hưởng đến môi trường.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Hạn chế tối đa việc sửa chữa máy móc, thiết bị thi công trong khu vực Dự án. Các xe vận chuyển sẽ được đưa đến các gara để rửa, sửa chữa và bảo dưỡng để hạn chế phát sinh chất thải. Nếu không may có sự cố phải sửa chữa máy móc thiết bị thi công tại khu vực dự án, thì chủ dự án sẽ thực hiện biện pháp: Dầu mỡ thải phát sinh trong khu vực Dự án không chôn lấp mà thu gom đúng quy định như sau: trang bị thùng phuy bằng sắt, có nắp đậy, để lưu trữ, có dán nhãn chỉ dẫn để đựng chất thải nguy hại (giẻ lau dính dầu mỡ, can, thùng đựng dầu mỡ…).

Lập nội quy quản lý chất thải trên công trường, yêu cầu công nhân phải tập kết chất thải nguy hại vào kho chứa theo quy định. Thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa chuyên dụng lưu trữ trong khu vực riêng biệt. Bố trí các thùng chứa có dung tích 200 lít/thùng để chứa chất thải này và dán nhãn chất thải nguy hại. Các chất thải nguy hại đảm bảo được quản lý đúng theo đúng quy định về Quản lý chất thải nguy hại.

Hợp đồng với đơn vị có giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

4.1.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Hạn chế vận hành đồng thời nhiều các thiết bị gây ồn: Nhà thầu xây dựng bố trí thời gian và sắp xếp các hoạt động thi công hợp lý nhằm hạn chế việc diễn ra đồng thời các hoạt động gây ồn để giảm mức ồn tổng số.

- Bảo trì thiết bị trong suốt thời gian thi công, tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Không sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị thi công gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Lựa chọn các thiết bị có tiếng ồn thấp, kiểm tra sự cân bằng của các máy móc thiết bị. Kiểm tra độ mòn chi tiết và cho dầu bôi trơn thường kỳ.

- Không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Máy móc thiết bị đều phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm thiểu mức ồn tích luỹ ở mức thấp nhất.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như: nút tai, bao tai...

- Xây dựng lịch trình thi công hợp lý nhằm giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm.

Ngoài ra, để hạn chế sự ảnh hưởng của tiếng ồn và độ rung trong quá trình xây dựng đến khu vực xung quanh, các máy móc gây tiếng ồn và độ rung lớn như: máy gạt, máy xúc, máy ủi, máy đào,... không được vận hành vào ban đêm và giờ nghỉ ngơi của người dân để tránh ảnh hưởng đến sinh hoạt của công nhân và cuộc sống sinh hoạt thường ngày của người dân xung quanh khu vực Dự án. Thời gian thi công hoạt động từ 7h30-11h và 13h-18h.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc, thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Xây dựng lịch trình thi công hợp lý, giảm mật độ các loại phương tiện thi công trong cùng một thời điểm.

4.1.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Lập rào cản cách ly giữa khu vực có dân cư sinh sống hoặc có đông dân cư qua lại với khu vực công trường, giảm tốc độ xe cộ, che chắn thùng xe có khả năng phát tán bụi,… khi vận chuyển qua khu dân cư để hạn chế các sự cố đáng tiếc ảnh hưởng đến dân cư như vấn đề tai nạn giao thông, các vấn đề ô nhiễm môi trường;

- Chủ dự án có biện pháp quản lý cũng như tuyên truyền, giáo dục ý thức của công nhân nhằm tránh phát sinh mâu thuẫn, xung đột với người dân địa phương, đảm bảo an ninh trật tự trong khu vực.

- Ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương nhằm đáp ứng công ăn, việc làm tăng thêm thu nhập đồng thời giảm số lượng công nhân ở lại qua đêm tại lán trại.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

- Xây dựng mạng lưới thu gom vận chuyển nước thải tách riêng với mạng lưới thoát nước mưa.

- Hệ thống thoát nước thải hộ dân được thiết kế chạy sau nhà dân đi trong hào kỹ thuật bằng ống HDPE- D300 gân xoắn được đấu nối vào hệ thống dường ống dẫn về trạm xử lý nước thải có đường kính ống là HDPE- gân xoắn D300

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân được xử lý qua bể tự hoại, được xây dựng bên trong các công trình hoặc lô đất xây dựng các công trình. Nước thải từ các lô đất sau khi qua bể tự hoại sẽ được thu gom vào đường ống HDPE gân xoắn D300 đi trong hào kỹ thuật đấu nối vào hệ thống đường ống dẫn về trạm

xử lý nước thải tập trung công suất 190 m^3/ngày đêm được xây dựng tại lô đất KT:02 có diện tích 513,13 m^2 ở phía Đông Nam của dự án. Nước thải sau khi được xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt sẽ theo đường ống chảy vào hố ga thoát nước mưa tại phía Đông Nam của dự án và thải vào kênh tiêu thoát nước (kênh đất hiện trạng) của khu vực đoạn qua thôn Tân Mỹ do UBND xã Cảnh Thụy quản lý.

Nước thải sinh hoạt → Song chắn rác → Bể thu gom + tách mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí MBBR → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng (nước thải đạt cột B theo QCVN14:2008/BTNMT trước khi xả vào nguồn tiếp nhận) → hố ga thoát nước mưa → hệ thống thoát nước chung của khu vực (kênh đất) đoạn qua thôn Tân Mỹ, xã Cảnh Thụy.

* Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thoát nước mưa được quy hoạch theo phương án thoát nước riêng hoàn toàn. Tất cả các tuyến ống được quy hoạch có hướng thoát trùng với hướng dốc của giao thông và san nền, các tuyến ống được vạch theo nguyên tắc hướng nước đi là ngắn nhất, để tiện cho việc quản lý sau này, trên dọc tuyến ống bố trí các giếng thăm để thuận tiện cho công tác kiểm tra và bảo dưỡng.

Hố ga thoát nước mưa sau cùng tại phía Đông Nam của dự án thu gom chung nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, cùng thải vào kênh tiêu thoát nước (kênh đất hiện trạng) của khu vực đoạn qua thôn Tân Mỹ do UBND xã Cảnh Thụy quản lý.

4.2.1.2. Đối với bụi, khí thải

* Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông:

- Trồng cây xanh trên vỉa hè dọc theo các tuyến đường và trong khu vực dự án. Cây xanh có tác dụng hấp thụ giảm tiếng ồn, sóng âm, giữ lại bụi, điều hòa không khí cũng như tạo mỹ quan đẹp cho khu vực dự án. Mức độ âm thanh, bụi,... giảm đi nhiều hay ít phụ thuộc vào mật độ lá cây, kiểu lá và kích thước của cây xanh và chiều rộng của dải đất trồng cây.

Chủ dự án sẽ thiết kế, quy hoạch diện tích vườn hoa cây xanh phù hợp nhằm tạo cảnh quan cho khuôn viên dự án và giảm thiểu các tác động của khí thải và tiếng ồn từ hoạt động giao thông trong khu vực.

* Mùi hôi từ điểm tập kết rác thải sinh hoạt:

- Thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải rắn phát sinh hàng ngày từ đường sá, các khu vực công cộng để giảm thiểu khả năng ô nhiễm từ quá trình phân huỷ hữu cơ làm phát sinh các khí thải có mùi hôi gây ô nhiễm môi trường chung.

- Định kỳ 6 tháng/lần: nạo vét, thu gom và xử lý triệt để lượng chất thải từ các cống rãnh, các khu vực công cộng, để giảm thiểu khả năng ô nhiễm từ quá trình phân huỷ hữu cơ làm phát sinh các khí thải có mùi hôi gây ô nhiễm môi trường chung.

* Đối với khí thải do máy điều hòa không khí: Khuyến khích các hộ dân sử dụng lắp đặt các loại điều hòa theo công nghệ mới, tiết kiệm điện năng thân thiện môi trường để hạn chế phát thải CFC.

* Khí thải từ hoạt động đun nấu

Vận động, khuyến khích dân cư sử dụng nhiên liệu sạch, như ga, điện, hạn chế sử dụng bếp than tổ ong hoặc các nhiên liệu như củi, trấu, rơm,... để hạn chế phát sinh và lan toả của bụi, khói và khí thải độc hại.

* Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải

Chủ dự án lắp đặt hệ thống xử lý mùi phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải; khí thải được xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) trước khi thải ra môi trường.

Khí thải (mùi hôi) từ khu vực hệ thống xử lý nước thải → chụp hút → đường ống thu gom → tháp hấp phụ than hoạt tính → quạt hút → ống thải.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- CTR từ khu dân cư: hàng ngày vào giờ quy định, xe thu gom CTR sẽ đi vào các ngõ thu gom CTR từ các hộ gia đình và tập trung vào nơi quy định.

- Trên các trục đường đặt các thùng rác công cộng có dung tích từ 150-300l với khoảng cách của các thùng rác từ 60m - 80m/1thùng để dân thuận tiện bỏ rác.

- Đối với lượng bùn thải từ bể tự hoại của các hộ gia đình: các hộ gia đình có trách nhiệm thuê đơn vị chức năng hút cặn, thu gom, xử lý bùn cặn từ bể tự hoại trong công trình của mình với tần suất khuyến khích 1 lần/năm.

Hàng ngày rác thải phát sinh từ hộ gia đình, khu vực công cộng được đơn vị vệ sinh môi trường thu gom về trạm trung chuyển rác tại khu đất KT:01 có diện tích 654,03m^2. Rác thải tập kết tại trạm trung chuyển rác được xe chở rác của đơn vị vệ sinh môi trường vận chuyển đến khu xử lý rác thải tập trung huyện (tần suất 01 ngày/lần).

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

- Đối với dầu thải từ thay dầu máy biến áp: đơn vị quản lý vận hành (Công ty điện lực Bắc Giang) sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút, vận chuyển đi xử lý ngay thời điểm thay dầu cho máy. Lượng dầu này không lưu tại dự án.

- Đối với chất thải nguy hại tại hộ gia đình: Người dân chịu trách nhiệm thu gom, quản lý chất thải nguy hại theo quy định. Đơn vị được bàn giao quản lý dự án sẽ tìm đơn vị có đủ chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định, người dân phải tự trả phí cho xe vận chuyển đi xử lý đến thu gom tại nhà.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Trồng cây xanh trong khu vực dự án đảm bảo tỷ lệ theo quy định.

- Định kỳ bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý mùi phát sinh từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải đảm bảo các máy móc vận hành ổn định, hạn chế tiếng ồn ra môi trường.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.2.4.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố trạm xử lý nước thải

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất. Các hóa chất sử dụng tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Trường hợp có sự cố xảy ra, dừng hoạt động trạm xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

Sau khi hoàn thành dự án theo quy định, chủ dự án bàn giao lại các tài liệu hướng dẫn vận hành, bảo trì, bảo dưỡng đối với các công trình bảo vệ môi trường cùng với các hồ sơ khác cho cơ quan nhà nước.

4.2.4.2. Phòng chống sự cố cháy nổ

- Trong quá trình thiết kế, thi công xây dựng tòa nhà hỗn hợp cũng như các tòa nhà đơn lẻ phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình (TCVN 2622/1995).

- Trang bị bình chữa cháy tại các vị trí cần thiết đảm bảo ứng cứu kịp thời các sự có xảy ra.

- Bố trí đường ống cấp nước chữa cháy theo mạng vòng tại tất cả các khu nhà.

- Các trụ nước chữa cháy phải được bố trí dọc theo các đường giao thông bên ngoài và nội bộ với khoảng cách giữa các trụ khoảng 100-200 m.

- Tiến hành kiểm tra và sửa chữa định kỳ các hệ thống có thể gây cháy nổ.

- Dán niêm yết các nội quy phòng chống cháy nổ tại các khu vực công cộng, đặc biệt treo biển cấm lửa hoặc cấm hút thuốc tại những nơi dễ xảy ra sự cố cháy nổ.

- Phối hợp kịp thời với đội cứu hộ của huyện để kịp thời ứng phó khi có sự cố xảy ra.

4.2.4.3 Đối với các sự cố do thiên tai

- Ngập úng, bão lũ:

+ Tuân thủ các phương án quy hoạch, đảm bảo cao độ nền và xây dựng hệ thống mương rãnh đảm bảo tiêu thoát nước tự nhiên khi mưa to kéo dài. Trong quá trình thi công, dọc ranh giới dự án có bố trí rãnh thu nước để thoát nước cho khu vực trũng, đảm bảo tránh ngập úng.

+ Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

+ Dự phòng máy bơm nước cưỡng bức trong trường hợp ngập úng.

- Phòng chống sét:

+ Lắp đặt hệ thống thu lôi chống sét tại các khu vực có khả năng bị sét đánh.

+ Thiết lập mạng tiếp đất an toàn, mạng tiếp đất của hệ thống thu sét gồm các dây chôn chìm trong đất được liên kết hàn với các cọc tiếp đất đóng sâu vào lòng đất, đảm bảo điện trở an toàn theo quy phạm.

4.2.4.4. Biện pháp phòng ngừa sự cố mất an toàn khu vực hồ cảnh quan

Để hạn chế nguy cơ mất an toàn do hồ cảnh quan, chủ dự án thiết kế, lắp các biển cảnh báo khu vực nước sâu nguy hiểm; tại khu có nhiều hoạt động có nhiều người qua lại, có thể lắp lan can để đảm bảo an toàn.

4.2.4.5. Sự cố và nguy cơ lan truyền mầm bệnh:

- Thực hiện tốt việc đảm bảo lưu trữ an toàn rác thải tại khu tập kết tạm thời trong khu dân cư.

- Việc vận chuyển rác đi xử lý tránh vào thời gian cao điểm.

- Ngoài ra, cần phổ biến nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đối với các hộ gia đình thông qua các buổi họp, lớp tập huấn và tổ chức các buổi tổng vệ sinh toàn khu dân cư. Thực hiện giữ gìn vệ sinh chung, có các biện pháp vệ sinh phòng dịch, cách ly khu vực bị nghi ngờ là có dịch để kịp thời phòng ngừa, tránh lây lan cho toàn khu vực.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

* Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Bố trí thùng rác có nắp đậy tại khu vực lán trại.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Phế thải phát quang: Vận chuyển đến bãi xử lý rác của địa phương.

+ Bùn nạo vét: Sử dụng bổ sung vào khu vực khuôn viên cây xanh;

- Chất thải nguy hại:

+ Bố trí thùng chứa chất thải nguy hại và kho chứa chất thải đúng theo quy định.

+ Hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển đi xử lý.

+ Tần suất: thu gom hàng ngày.

+ Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Không khí làm việc:

Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực đang xây dựng hạ tầng kỹ thuật

+ Thông số giám sát: SO_2, NO_2, CO, độ rung, tiếng ồn.

+ Tần suất giám sát: 01 lần trong thời gian xây dựng.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

* Giai đoạn vận hành:

Trong giai đoạn hoạt động, nước thải của dự án phát sinh khoảng 190 m^3/ngày đêm; khí thải (mùi hôi) từ hệ thống xử lý nước thải được xử lý bởi hệ thống xử lý mùi, công suất quạt hút 14.000 m^3/giờ. Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc môi trường nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2, điều 97, khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022**.** Tuy nhiên, việc giám sát các nguồn thải được thực hiện thường xuyên để kịp thời phát hiện, xử lý, giải quyết đối với những sự cố xảy ra.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải.

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án.

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 199/TTr-TNMT ngày 25/4/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.